

QUYẾT ĐỊNH

**Điều hòa kế hoạch vốn thực hiện Đề án Kiên cố hoá trường,
lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên năm 2008.**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 20/2008/QĐ-TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Kiên cố hoá trường, lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012;

Căn cứ Thông tư số 46/2008/TT-BTC ngày 06/6/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện Đề án Kiên cố hoá trường, lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012;

Căn cứ Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày 13/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện đề án Kiên cố hoá trường, lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên năm 2008;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 778/TTr-SKHĐT ngày 29/6/2009, tghéo Tờ trình số 1453/TTr-SGDĐT ngày 25/6/2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều hòa kế hoạch vốn thực hiện Đề án Kiên cố hoá trường, lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên năm 2008 (Bảng kế hoạch điều hòa chi tiết kèm theo).

Điều 2.

1. Ngoài các nội dung được điều hòa tại Quyết định này, các nội dung khác vẫn thực hiện theo Quyết định số 1613/QĐ-UBND ngày 13/8/2008; Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 11/02/2009; Quyết định số 1041/QĐ-UBND ngày 27/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh.



2. Căn cứ Quyết định này, các đơn vị tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định, đẩy nhanh tiến độ thực hiện đề án, công tác giải ngân và thực hiện tốt các công việc được giao.

Điều 3. Các ông/bà Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học Nhà nước Bình Phước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- VPCP, Bộ GD&ĐT;
- Bộ TC, Bộ KH&ĐT;
- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, CV: KT, VX, SX;
- Lưu VT (L135-09skh).



KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN KIẾN CỐ HOÁ TRƯỜNG LỚP HỌC VÀ NHÀ CÔNG VỤ GIÁO VIÊN NĂM 2008

(Kèm theo Quyết định số 1838/QĐ - UBND ngày 29/06/2009 của UBND tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	DANH MỤC DỰ ÁN	NLTK (phòng)	Kế hoạch vốn 2008	Kế hoạch điều hòa	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6
	TỔNG CỘNG	300	21.100	21.100	
A	PHÒNG HỌC	150	14.275	14.268	
I	<u>Thị xã Đồng Xoài</u>	20	1.903	1.904	UBND thị xã Đồng Xoài
1	MN Hoa-Sen	10	952	952	
2	TH Tân Phú	10	952	952	
II	<u>Huyện Đồng Phú</u>	18	1.713	1.712	UBND huyện Đồng Phú
1	MN Đồng Tâm	2	190	190	
2	MN Hướng Dương	2	190	190	
3	MN Hoa Hồng	2	190	190	
4	TH Tân Phước	6	571	571	
5	TH Tân Hòa	6	571	571	
III	<u>Huyện Chơn Thành</u>	18	1.713	1.707	UBND huyện Chơn Thành
1	MN Nha Bích	4	381	381	
2	MN Minh Lập	2	190	190	
3	MN Tân Quan	2	190	190	
4	MN Minh Hưng	5	476	476	
5	MN Minh Long	1	95	95	
6	TH Minh Hưng A	4	381	375	
IV	<u>Huyện Bình Long</u>	18	1.713	1.713	UBND huyện Bình Long
1	MN Thanh An	4	381	381	
2	MN Minh Tâm	4	381	380	
3	THCS Tân Hưng	6	571	571	
4	THCS Thanh Bình	4	381	381	
V	<u>Huyện Bù Đăng</u>	18	1.713	1.714	UBND huyện Bù Đăng
1	MN Sao Mai	6	571	571	
2	TH Nghĩa Trung	4	381	381	
3	TH Bom Bo	4	381	381	
4	TH ĐăkNhau (Điểm ĐăkWí)	4	381	381	
VI	<u>Huyện Bù Đốp</u>	20	1.903	1.904	UBND huyện Bù Đốp
1	MN Tân Thành	4	381	381	
2	MN Hưng Phước	4	381	381	
3	TH Tân Thành B	6	571	571	
4	TH Thiện Hưng A	6	571	571	

VII	<u>Huyện Lộc Ninh</u>	18	1.713	1.711	UBND huyện Lộc Ninh
1	MN Lộc Quang	2	190	190	
2	MN Hoa Cúc	2	190	190	
3	MN Lộc Hưng	2	190	190	
4	MN Măng Non	2	190	190	
5	TH Lộc Tấn A	4	381	381	
6	TH Lộc Thuận B	6	571	570	
VIII	<u>Huyện Phước Long</u>	20	1.903	1.903	UBND huyện Phước Long
1	TH Sơn Giang	4	381	381	
2	TH Bù Nho	8	761	761	
3	THCS Nguyễn Du	8	761	761	
B	NHÀ CÔNG VỤ GIÁO VIÊN	150	6.825	6.832	
I	<u>Sở Giáo dục và Đào tạo</u>	30	1365	1366	Sở Giáo dục và Đào tạo
1	THPT Bù Đăng	3	137	124	
2	Cấp 2-3 Nguyễn Thị Minh Khai	2	91	89	
3	THPT Lương Thế Vinh	5	228	202	
4	THPT Lê Quý Đôn	4	182	162	
5	THPT Nguyễn Khuyến	4	182	261	
6	THPT Thống Nhất	4	182	164	
7	THPT ĐăkƠ	4	182	182	
8	THPT Nguyễn Hữu Cánh	4	182	182	
II	<u>Thị xã Đồng Xoài</u>	6	273	273	UBND thị xã Đồng Xoài
1	MN Hoa Mai	4	182	182	
2	TH Tân Thành B	2	91	91	
III	<u>Huyện Đồng Phú</u>	12	546	545	UBND huyện Đồng Phú
1	MN Đồng Tâm	4	182	182	
2	MN Thuận Lợi	2	91	91	
3	TH Thuận Lợi A	2	91	91	
4	TH Tân Phước	2	91	90	
5	TH Thuận Lợi B	2	91	91	
IV	<u>Huyện Chơn Thành</u>	7	319	319	UBND huyện Chơn Thành
1	MN Nha Bích	1	46	46	
2	MN Tân Quan	2	91	91	
3	MN Minh Hưng	2	91	91	
4	MN Minh Long	1	46	45	
5	TH Minh Lập	1	46	46	
V	<u>Huyện Bình Long</u>	20	910	911	UBND huyện Bình Long
1	MN Tân Lợi	3	46	137	
2	MN Minh Đức	1	46	46	
3	MN Tân Hiệp	2	91	91	
4	TH Thanh Phú B		91	-	
5	TH Tân Hưng A	2	91	91	
6	TH Kim Đồng	2	91	91	

7	THCS Thanh Phú	2	91	91	
8	THCS Tân Hưng	2	91	91	
9	THCS An Khương	2	91	91	
10	THCS Thanh An	2	91	91	
11	THCS Phước An	2	91	91	
VI	Huyện Bù Đăng	20	910	911	UBND huyện Bù Đăng
1	MN Đức Phong	2	91	91	
2	TH Phước Sơn	2	91	91	
3	TH Lê Văn Tám	3	137	137	
4	TH Bom Bo (ấp 4)	2	91	91	
5	TH Thống Nhất	2	91	91	
6	THCS Quang Trung	4	182	182	
7	THCS Phan Bội Châu	2	91	91	
8	THCS Nguyễn Trường Tộ	3	137	137	
VII	Huyện Bù Đốp	27	1.229	1.232	UBND huyện Bù Đốp
1	MN Tân Thành	4	182	182	
2	TH Thanh Hòa	3	137	137	
3	TH Hưng Phước	3	137	137	
4	TH Thiện Hưng B	3	137	137	
5	TH Tân Tiến	3	137	137	
6	THCS Thanh Bình	5	228	228	
7	THCS Thanh Hòa	3	137	137	
8	THCS Tân Thành	3	137	137	
VIII	Huyện Lộc Ninh	18	819	820	UBND huyện Lộc Ninh
1	MN Lộc Quang	3	137	137	
2	MN Hoa Cúc	2	91	91	
3	MN Hoa Hồng	2	91	91	
4	MN Hoa Mai	2	91	91	
5	MN Măng Non	2	91	91	
6	TH Lộc Phú	2	91	91	
7	TH Lộc An	3	137	137	
8	TH Thi Trấn B	2	91	91	
IX	Huyện Phước Long	10	455	455	UBND huyện Phước Long
1	TH Hai Bà Trưng	2	91	91	
2	TH Long Tân	2	91	91	
3	TH Kim Đồng	2	91	91	
4	TH Lê Lợi	2	91	91	
5	TH Vừ A Dính	2	91	91	

